

Số: 612/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 602/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/8/2022 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình giữa:

Người yêu cầu:

- **Chị Trịnh Thị Tuyết A**, sinh năm 1984;
- **Anh Trương Đức T**, sinh năm 1984;

Cùng ĐKKHKT và nơi ở: Phòng 323C4 tập thể G, phường G, quận B, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Chị **Trịnh Thị Tuyết A** và anh **Trương Đức T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2010 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận B, thành phố H (Giấy chứng nhận kết hôn số: 86; Quyền số: II/2010). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Chị **Trịnh Thị Tuyết A** và anh **Trương Đức T** yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ba Đình công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/8/2022 tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị **Trịnh Thị Tuyết A** và anh **Trương Đức T** có 02 (hai) con chung là cháu **Trương Tuệ A**, sinh ngày 14/12/2010 và **Trương Bảo A**, sinh ngày 20/9/2016. Anh chị thống nhất thỏa thuận để con chung là cháu **Trương Tuệ A**, sinh ngày 14/12/2010 và cháu **Trương Bảo A**, sinh ngày 20/9/2016 cho mẹ là chị

Trịnh Thị Tuyết A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh **Trương Đức T** tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cả hai con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2022.

[4]. Về tài sản chung: Chị **Trịnh Thị Tuyết A** và anh **Trương Đức T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **Trịnh Thị Tuyết A** và anh **Trương Đức T** không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí tòa án: Chị **Trịnh Thị Tuyết A** tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Trịnh Thị Tuyết A** và anh **Trương Đức T**.

- Về con chung: Chị **Trịnh Thị Tuyết A** và anh **Trương Đức T** có 02 (hai) con chung là cháu **Trương Tuệ A**, sinh ngày 14/12/2010 và cháu **Trương Bảo A**, sinh ngày 20/9/2016. Giao cả hai con chung là cháu **Trương Tuệ A**, sinh ngày 14/12/2010 và cháu **Trương Bảo A**, sinh ngày 20/9/2016 cho chị **Trịnh Thị Tuyết A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh **Trương Đức T** có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cả hai con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi cả hai con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh **Trương Đức T** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị **Trịnh Thị Tuyết A** và anh **Trương Đức T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Chị **Trịnh Thị Tuyết A** và anh **Trương Đức T** không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Trịnh Thị Tuyết A** tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002200 ngày 05/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH;
- Các đương sự;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Thu Phương